TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 841/2019/HC-PT Ngày: 20 - 11 - 2019 V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh;

Ông Hoàng Thanh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 74/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2018/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1036/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 119, N, khu phố X10, phường X2, TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T1 – Phó Chủ tịch. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện H1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Anh V - Chủ tịch xã Đ1 (có mặt).

- *Những người làm chứng*:

1/ Ông Võ Quốc T2, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X2, xã Đ2, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bà Phan Thị C, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ3, xã Đ1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

3/ Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ3, xã Đ1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

4/ Ông Vũ Đình B, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ3, xã Đ1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

5/ Ông Mai Thanh T2, sinh năm 1943 (vắng mặt)

Địa chỉ: 65 T, phường Đ, TP P, tỉnh Bình Thuận. (Nguyên trưởng ban quản lý rừng phòng hộ H1-Đ1).

6/ Ông Bùi Quang K, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: 115 L, phường L1, TP.B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Lê Thị S có bà Nguyễn Thị Mỹ H đại diện trình bày:

Ngày 12/7/2017, Chủ tịch UBND huyện H1 ban hành Quyết định số 4613/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị S thường trú tại phường 2, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nội dung kết luận của UBND huyện:

- Nguồn gốc diện tích đất này là do UBND xã Đ1 quản lý từ khi thành lập xã năm 2002... Như vậy, nguồn gốc đất này do ai khai hoang, UBND xã Đ1 khai hoang lúc nào hay là thấy thửa đất này đẹp rồi UBND xã Đ1 đưa vào quy hoạch. Trong khi đó chưa có quyết định thu hồi thửa đất trên.

- Giấy nhận chuyển nhượng đứng tên bà Phan Thị Thanh T4 (con ông H5 bà L5) là người được xác lập hợp pháp, bởi vì ông H5 chết vào năm 2003, khi đó bà T4 còn nhỏ; tại thời điểm này toàn bộ việc sang nhượng đất đai của tất cả các hộ dân diễn ra ở xã Đ1 đều bằng giấy viết tay, nên việc bà T4 viết giấy sang nhượng đất cho bà S là hoàn toàn hợp pháp. Từ trước năm 2003 có trồng cây cà phê và cây ăn quả đến năm 2010 thì bà S cho thuê làm bãi chứa vật liệu nên

Công ty M đã san ủi lấp hết. Từ năm 2007 đến nay bà S đã nhờ bà Phan Thị C có nhà và đất liền kề trông coi hộ thửa đất trên.

Đối với tờ trình đề ngày 13/12/2010, đơn xin san lấp mặt bằng đề ngày 20/12/2010 và hợp đồng thuê mặt bằng đề ngày 15/9/2012 về việc Công ty TNHH DVTM SX-XD Đông M thuê diện tích đất nói trên, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và quyền sử dụng đất của bên cho thuê đất là không đúng. Bởi theo khoản 1 Điều 145 Bộ luật dân sự sửa đổi hiện hành thì các hợp đồng ký tay đều có giá trị pháp lý.

Đối với tài liệu là tờ bản đồ giải thửa và bảng thống kê diện tích, loại đất quy chủ cho bà Lê Thị S mà hồ sơ này không phải là hồ sơ địa chính được lưu trữ, quản lý tại xã Đ1… Tài liệu này năm 2010 do nhu cầu thuê mặt bằng của Công ty Đông M yêu cầu phải có tài liệu chứng minh là đất của mình thì Công ty mới chịu thuê, do đó bà S đã nhờ ông Nguyễn Văn T6 lúc bấy giờ là Chủ tịch UBND xã Đ1, ông Tấn đề nghị ông Nguyễn Thạch L là Công chức địa chính trích lục bản đồ và danh sách hộ có trong bản đồ đưa cho bà S. Bản đồ và danh sách bà S không thể tự làm được.

Việc bà S thuê bà Phan Thị C phát dọn đất do UBND xã Đ1 quản lý để trồng mít là hành vi lấn chiếm đất công đã được UBND xã Đ1 lập biên bản vi phạm hành chính về xử phạt trong lĩnh vực đất đai. Ngày 26/10/2016, Chủ tịch UBND xã Đ1 đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-XPHC xử phạt hành chính đối với hành vi nói trên của bà Lê Thị S, với số tiền phạt là 4.000.000đồng và buộc bà S khôi phục lại hiện trạng của thửa đất…thực tế Quyết định số 100/QĐ-XPHC đề ngày 26/10/2016 UBND xã Đ1 chuyển phát nhanh dấu bưu điện ghi ngày 16/5/2017 thì ngày 22/5/2017 tôi mới nhận được quyết định trên (gần 7 tháng).

Trong thời gian thụ lý vụ việc, UBND huyện H1 đề nghị người khởi kiện đưa ra chứng cứ và nhân chứng để chứng minh nguồn gốc là đất của mình, nhưng tại cuộc đối thoại ngày 09/6/2017 các ý kiến và nhân chứng của bà S đều bị các thành viên trong ngày đối thoại bác bỏ. bà S có đề nghị UBND huyện đưa ra những chứng cứ để xác định là đất công thì không được hội đồng chấp nhận và cho rằng bà S không có quyền yêu cầu nội dung này.

Không đồng ý với nội dung kết luận tại Quyết định 4613 nêu trên; nay bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án xử tuyên hủy Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị S. Công nhận diện tích đất bà S khiếu nại là 4.825m^2 tọa lạc tại tổ 1, thôn Đa Tro, xã Đ1, huyện H1 cho bà S. Bởi lẽ: Nguồn gốc đất mà bà S yêu cầu được công nhận có nguồn gốc là do ông Phan Năng H5 (cha ruột bà Phan Thị Thanh T4, đã chết năm 2003) khai hoang năm 1995. Năm 2007, bà S đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên từ bà Phan Thị Thanh T4 bằng giấy viết tay đối với diện tích 2.000m^2 tại tổ 1 thôn Đ3, xã Đ1 (thể hiện tại giấy thỏa thuận đề ngày 02/3/2007 lập tại TP. B, tỉnh Lâm Đồng). Sau khi nhận chuyển nhượng, bà

S thuê bà Phan Thị C (bà Sáu H7 bạn của bà S, người có đất giáp ranh đất của bà S) trồng cây ăn trái (xoài, mít, chuối…). Đến năm 2010, bà S cho Công ty M, đại diện là ông Hồ Sỹ H8 (hiện nay tôi không rõ ở đâu) ký giấy tờ thuê đất (Công ty M có trả tiền thuê đất cho bà S, với số tiền 3.000.000đồng/tháng) để tập kết vật liệu phục vụ công trình nâng cấp đường Quốc lộ 55 và Công ty M đã san ủi toàn bộ cây ăn trái, hoa màu trên đất để tập kết vật liệu, sử dụng đến năm 2014 thì Công ty trả lại đất cho bà S. Đất bỏ trống đến năm 2016 thì bà S tiếp tục thuê bà Phan Thị C trồng mít (khoản 70 cây mít).

Ý kiến của đại diện theo ủy quyền người bị kiện có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Nguồn gốc diện tích đất 2.100m^2 (30m x 70m) tọa lạc tại tổ 1, thôn Đa Tro, xã Đ1 là đất do UBND xã Đ1 quản lý từ khi thành lập xã Đ1. Qua kiểm tra bản đồ đo đạc năm 2003 (thời điểm thành lập xã Đ1) diện tích đất nói trên thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 07, với diện tích 2.800m^2, loại đất chuyên dùng (CD) và UBND xã Đ1 đã có kế hoạch sử dụng đất để xây dựng trạm y tế xã Đ1 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 2790/QĐ/KH-VX ngày 06/9/2002 của Giám đốc sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Thuận, về việc Phê duyệt báo cáo đầu tư Công trình Trạm y tế xã Đ1, huyện H1. Tuy nhiên, khi triển khai do vướng một phần diện tích đất chưa được điều chỉnh ra khỏi quy hoạch 03 loại rừng, nên việc xây dựng Trạm y tế xã chuyển sang vị trí khác. Do đó, UBND xã Đ1 điều chỉnh đưa diện tích này vào quy hoạch xây dựng nhà văn hóa xã và được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 31/12/2013, về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 – 2015) của xã Đ1, huyện H1.

Các giấy tờ bà S cung cấp để chứng minh quyền sử dụng đối với diện tích đất nói trên thuộc của bà S là không có căn cứ, cụ thể:

+ Giấy nhận chuyển nhượng đứng tên bà Phan Thị Thanh T4 (con ông H5, bà L5) là người không được xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp, vì bà S không cung cấp được các loại giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất hợp pháp của ông Phan Năng H5, bà Nguyễn Thị Tuyết L5 và bà Phan Thị Thanh T4 (vợ, con ông H5). Đồng thời, qua xác minh quá trình sử dụng đất có khiếu nại sau khi ông Phan Năng H5 chết năm 2003 đến nay không ai canh tác, sử dụng. Do đó, việc chuyển nhượng diện tích đất trên giữa bà Phan Thị Thanh T4 và bà Lê Thị S bằng giấy viết tay trong năm 2007 là không hợp pháp, nên không có cơ sở chứng minh diện tích đất bà S có yêu cầu khởi kiện thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà S.

+ Đối với tờ trình đề ngày 13/12/2010 và đơn xin san lấp mặt bằng đề ngày 20/12/2010 về việc cho Công ty Đông M thuê diện tích đất nói trên do bà Lê Thị S tự lập và đưa ông Vũ Đình B2 – Trưởng thôn Đ3 ký xác nhận. Đây không phải giấy tờ về quyền sử dụng đất, nên không đủ cơ sở chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Lê Thị S.

+ Đối với tài liệu là Tờ bản đồ giải thửa và Bảng thống kê diện tích, loại đất quy chủ cho bà Lê Thị S do bà S cung cấp, qua kiểm tra thì tài liệu này không phải là hồ sơ địa chính đươc lưu trữ, quản lý tại xã Đ1.

+ Đối với Hợp đồng đề ngày 15/9/2012, về việc thuê mặt bằng diện tích đất trên để tập kết vật liệu giữa bà Lê Thị S với ông Nguyễn Viết C1 – Đại diện Công ty Đông M. Hợp đồng này là thỏa thuận giữa hai bên, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về quyền sử dụng đất hợp pháp của bên cho thuê đất.

+ Việc bà Lê Thị S thuê bà Phan Thị C phát dọn đất do UBND xã Đ1 quản lý để trồng mít trong năm 2016 là hành vi lấn chiếm đất công và đã được UBND xã Đ1 lập biên bản vi phạm hành chính về xử phạt trong lĩnh vực đất đai. ngày 26/10/2016, Chủ tịch UBND xã Đ1 đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nói trên của bà Lê Thị S, với số tiền phạt là 4.000.000đồng và buộc bà S khôi phục lại hiện trạng của thửa đất trước khi vi phạm để trả lại diện tích đã lấn chiếm. Do đó, việc sử dụng đất rái phép này không được xác định là có quá trình sử dụng đất ổn định trên diện tích đất nói trên.

Như vậy, việc UBND huyện H1 ban hành Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị S, theo đó giữ nguyên Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND xã Đ1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu theo đơn đề ngày 01/11/2016 của bà Lê Thị S là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện UBND xã Đ1: Diện tích đất trên là đất do UBND xã Đ1 quản lý, trước đây có kế hoạch xây dựng trạm y tế nhưng do vướng đất rừng nên chưa thực hiện được. Năm 2010, Công ty M có tiến hành san ủi để đổ đá thì bị xã ngăn chặn. Sau đó, phía công ty có xin phép đổ đá để thực hiện đúng tiến độ của dự án thì được xã cho phép nhưng không lập văn bản vì đất do nhà nước quản lý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2018/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Áp dụng Điều 101 của Luật Đất Đai 2013; Điều 20, 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S:

+ Hủy Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị S.

+ Hủy Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND xã Đ1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lê Thị S.

+ Hủy Quyết định số 100/QĐ-XPHC ngày 26/10/2016 của Chủ tịch UBND xã Đ1 về việc xử phạt hành chính đối với bà Lê Thị S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 03/12/2015, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện H1 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S.

Người khởi kiện bà Lê Thị S đại diện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện H1 làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Người bị kiện kháng cáo cho rằng diện tích đất 2.100m^2 tại tổ 1, thôn Đ3, xã Đ1 bà Lê Thị S khiếu nại có nguồn gốc Chính phủ giao cho nhà máy thủy điện H1 – Đ1 sử dụng theo Quyết định số 189/TTg ngày 29/3/1997; từ năm 2008 trở đi thì UBND tỉnh Bình Thuận giao cho UBND xã Đ1 quản lý theo Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 04/6/2008. Việc bà S cho rằng nhận chuyển nhượng đất từ ông Phan Năng H5 và sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay là không đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà S cung cấp được giấy tờ chứng minh việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông H5; những người dân lâu năm sống lân cận cũng xác định bà S nhận chuyển nhượng đất từ ông H5 và sử dụng ổn định; người bị kiện cho rằng đất do UBND xã Đ1 quản lý nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Phan Năng Hiếu chết năm 2003, bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H5 mà chỉ cung cấp "Giấy thỏa thuận" lập ngày 21/3/2007 giữa bà S và bà Phan Thị Thanh T4 (con ông H5), trong đó bà T4 xác

định diện tích đất này cha bà đã chuyển nhượng cho bà S. Người bị kiện cho rằng diện tích đất này đã được Chính phủ giao cho nhà máy thủy điện H1 – Đ1 sử dụng theo Quyết định số 189/TTg ngày 29/3/1997, phù hợp với lời khai của một số người làm chứng như ông Ngô Xuân V1, bà Nguyễn Thị H7, ông Đỗ Văn M1 (BL79-80) xác định diện tích đất này thuộc nhà máy thủy điện H1 – Đ1, thời điểm này ông H5 lái xe ben chở vật liệu cho công trình và ông H5 sử dụng đất này là bãi đậu xe ben, sau khi công trình hoàn thành thì không còn ai sử dụng diện tích đất này nữa. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ nguồn gốc đất này có phải do ông H5 khai phá hay không; ông H5 có quá trình sử dụng đất, có đăng ký kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với diện tích đất này hay không và có thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà S hay không mà chỉ căn cứ vào lời khai của bà T4 (con ông H5) và những người làm chứng xác định nguồn gốc đất của ông H5 chuyển nhượng cho bà S là chưa đủ căn cứ.

Ngoài ra, bà S cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà có kê khai đăng ký sử dụng đất. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thì hiện trạng đất là đất trống, cây cỏ dại, không có tài sản gì trên đất. Lời khai của bà Phan Thị C và ông Lê Văn P (BL 56, 60) xác định bà S nhờ bà C thuê ông P trồng cây trên đất vào năm 2016. Trước đó bà S có canh tác, sinh sống trên đất hay không chưa được xác minh làm rõ. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định bà S sử dụng đất ổn định, lâu dài. Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc đất bà S nhận chuyển nhượng từ ông Phan Năng H5 và sử dụng ổn định là chưa đủ căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, xác minh bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa và hồ sơ địa chính khác tại các cơ quan chức năng mà căn cứ vào trích lục bản vẽ thửa đất (photo) và bảng thống kê diện tích đất, loại đất (photo) do bà S cung cấp; từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S trong khi chưa đối chiếu xác thực tính hợp pháp của chứng cứ là không phù hợp với quy định của Luật tố tụng hành chính về chứng cứ và chứng minh.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm là còn thiếu sót, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Chủ tịch UBND huyện H1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện H1.

Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2018/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn lại cho Chủ tịch UBND huyện H1 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025741 ngày 12/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- NKK (1);
- NBK (1);
-NLQ (1);
- Lưu (10) 18b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười